

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Thể chế hóa các Nghị quyết và văn kiện của Đảng

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia được nêu rõ trong các Nghị quyết và văn kiện Đại hội Đảng, cụ thể:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “*Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số*”, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phải được tiếp tục phát triển và làm nền tảng cho hạ tầng của nền kinh tế số.

- Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: “*Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái*”.

Khoản 3, Mục III, Nghị quyết số 52/NQ-TW có nêu: “*Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm*

dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công”.

Nhằm thể chế hóa các nghị quyết, văn kiện Đại hội Đảng, Luật Viễn thông được ban hành từ năm 2009 đến nay cần phải được sửa đổi để đáp ứng các yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Sửa đổi để phù hợp với các luật được ban hành sau năm 2010

Luật Viễn thông khi được ban hành đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các quy định của các luật chung và các cam kết quốc tế trong WTO mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay, một số luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh,... đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, Luật Viễn thông cũng cần được xem xét, điều chỉnh để phù hợp với thực tế phát triển viễn thông hiện nay và đồng bộ, thống nhất với các quy định của luật chung.

3. Giải quyết các vấn đề bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Viễn thông và đáp ứng xu thế mới

Luật Viễn thông được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 23/11/2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2010 có ý nghĩa rất quan trọng đối với tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế nói chung và ngành viễn thông nói riêng, đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về viễn thông ở nước ta, đặc biệt là trước xu thế toàn cầu hóa. Sau hơn 10 năm áp dụng, Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành đã giúp thúc đẩy cạnh tranh, phát triển cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, phát triển thị trường viễn thông với đa dạng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Ngay sau khi được ban hành, Luật Viễn thông đã tác động trực tiếp, tích cực đến sự phát triển nhanh, bền vững cơ sở hạ tầng và dịch vụ viễn thông; đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; thúc đẩy cạnh tranh, từng bước hoàn thiện thị trường viễn thông Việt Nam phát triển lành mạnh, bình đẳng và hội nhập quốc tế; mang lại ngày càng nhiều lợi ích hợp pháp hơn cho người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông; nâng cao và khai thác hiệu quả tài nguyên viễn thông; tăng thu cho

ngân sách nhà nước; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước về viễn thông trong điều kiện hội tụ của công nghệ và dịch vụ.

Cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông của đất nước tiếp tục được mở rộng, hiện đại hóa và phát triển mạnh mẽ. Hạ tầng viễn thông đã góp phần đưa “dịch vụ số” vào các hoạt động đời sống kinh tế - xã hội và sẽ là nền tảng vững chắc cho “nền kinh tế số” trong tương lai thông qua việc đầu tư, nâng cấp mở rộng mạng 4G, triển khai 5G (trong thời gian tới) và tổng băng thông kết nối Internet quốc tế là 13,2 Tbps, tổng băng thông kết nối Internet trong nước là 4,1 Tbps.

Thị trường dịch vụ viễn thông có những thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước năm 2009. Tính đến tháng 12/2020, tổng số thuê bao điện thoại di động phát sinh lưu lượng là 123,6 triệu thuê bao và tổng số thuê bao băng rộng di động phát sinh lưu lượng là gần 70 triệu thuê bao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Viễn thông đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp cần được điều chỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi cũng như đáp ứng xu thế phát triển mới.

Các quy định về quản lý và điều tiết thị trường hiện nay đã thể hiện một số bất cập như việc chưa xác định thị trường bán buôn, chưa có chính sách phát triển các doanh nghiệp mạng viễn thông di động ảo (doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ di động không sở hữu quyền sử dụng tần số nhưng đi thuê hạ tầng, mua buôn lưu lượng để cung cấp cho người sử dụng), chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng trong việc cho thuê hạ tầng dẫn đến hạ tầng viễn thông đã được đầu tư chưa được khai thác hết năng lực, các nhóm khách hàng thuộc thị trường ngách chưa phát triển, chưa thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Quá trình triển khai cấp giấy phép cho các doanh nghiệp viễn thông, việc cấp phép với các điều kiện và quy trình, thủ tục như nhau, không phân biệt theo loại mạng, không phân biệt tính chất, quy mô của doanh nghiệp xin cấp giấy phép dẫn đến những bất cập như: tạo ra gánh nặng gia nhập thị trường và quản lý với các doanh nghiệp cung cấp một số loại hình dịch vụ chỉ cần điều kiện đơn giản; không thực hiện được định hướng phổ cập dịch vụ của nhà nước với các doanh nghiệp thiết lập mạng...

Lĩnh vực viễn thông xuất hiện các loại hình dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới. Bên cạnh đó, yêu cầu cơ sở hạ tầng viễn thông mở rộng thêm cấu phần mới để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, trong khi đó, các quy định pháp luật còn chưa đầy đủ dẫn đến những khoảng trống pháp lý, đòi hỏi phải được sớm bổ sung, hoàn thiện.

Việc xuất hiện thêm các loại hình dịch vụ mới, mở rộng phạm vi quản lý của hoạt động viễn thông dẫn đến các quy định về bảo vệ quyền lợi người dùng trong lĩnh vực viễn thông cũng cần được bổ sung cho phù hợp, đặc biệt trên không gian mạng. Nguy cơ mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, mất dữ liệu cá nhân đang ngày càng phổ biến, đòi hỏi phải điều chỉnh các chính sách quản lý một cách phù hợp, hiệu quả.

4. Các vấn đề đặt ra trong việc thi hành các cam kết quốc tế trong lĩnh vực viễn thông mà Việt Nam là thành viên

Từ năm 2010 đến nay, các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), với những cam kết mới và cao hơn so với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Hoạt động của dịch vụ vệ tinh tại Việt Nam đang được thực hiện theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Cam kết CPTPP và phần lớn các cam kết quốc tế (EVFTA) mà Việt Nam là thành viên tương tự như cam kết trong WTO về mở cửa thị trường, quy định về nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thỏa thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế được cấp phép, trường hợp hiện diện thương mại quy định về vốn góp của phía nước ngoài. Trước xu thế phát triển mạnh mẽ của dịch vụ vệ tinh trên thế giới, yêu cầu cần phải hoàn thiện khung pháp lý, nội luật hóa các cam kết quốc tế và đưa ra một số nguyên tắc để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho người sử dụng cũng như đảm bảo các hoạt động cho quốc phòng, an ninh và làm sở cứ để đàm phán trong tương lai.

5. Kết luận

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Luật Viễn thông sửa đổi, bổ sung là yêu cầu khách quan nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý viễn thông, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động

viễn thông, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi, bổ sung là cần thiết nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau đây:

1.1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước tại các Nghị quyết và văn kiện Đại hội Đảng để phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng không gian cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, đảm bảo hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số, xã hội số...

1.2. Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi Luật Viễn thông thời gian vừa qua cũng như để phù hợp với xu thế đổi mới do công nghệ thông tin đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực viễn thông.

1.3. Đồng bộ Luật Viễn thông với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung, khắc phục, điều chỉnh các điểm không thống nhất giữa Luật Viễn thông và các luật mới ban hành sau năm 2010. Nội luật hóa các cam kết mà Việt Nam đã ký kết, tham gia trong thời gian qua như CPTPP.

1.4. Đáp ứng yêu cầu quản lý phù hợp với xu thế hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin, xu thế chuyển đổi số quốc gia. Phát triển hạ tầng viễn thông đi trước một bước và làm tốt vai trò là hạ tầng của nền kinh tế số.

2. Quan điểm

Việc xây dựng dự án Luật Viễn thông sửa đổi, bổ sung nêu trên cần quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

2.1. Thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, phù hợp với Hiến pháp và tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật của nhà nước và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

2.2. Tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm thực tiễn việc thi hành Luật Viễn thông trong thời gian qua nhằm kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp với thực tiễn, giải quyết những bất cập để đáp ứng yêu cầu hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai.

2.3. Tham khảo, chọn lọc kinh nghiệm quản lý viễn thông của các nước và vận dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của dự án Luật được điều chỉnh, bổ sung thêm trung tâm dữ liệu là một cấu phần của cơ sở hạ tầng viễn thông, quản lý kinh doanh viễn thông bao gồm cả kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự án Luật được điều chỉnh, bổ sung so với quy định hiện hành bao gồm cá nhân, tổ chức tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông và trung tâm dữ liệu, quản lý kinh doanh viễn thông bao gồm cả kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Chính sách quản lý và điều tiết thị trường bán buôn

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp mạng di động ảo – doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông di động không sở hữu quyền sử dụng tần số (MVNO) ở Việt Nam gặp khó khăn trong việc thuê hạ tầng, mua lưu lượng từ các doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng dẫn đến việc dịch vụ cung cấp tới người sử dụng bị hạn chế một phần, chưa thúc đẩy phát triển dịch vụ mới, các thị trường ngách chưa được thúc đẩy phát triển.

1.2. Mục tiêu của chính sách

- Thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp MVNO (dự kiến trong vài năm tới, số lượng doanh nghiệp MVNO có thể phát triển, cung cấp dịch vụ cho người sử dụng ở các thị trường ngách là từ 5-10 doanh nghiệp).

- Giảm rủi ro cho doanh nghiệp hạ tầng.

- Góp phần thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường bán lẻ thông qua thị trường bán buôn.

- Sử dụng hiệu quả hạ tầng đã đầu tư của doanh nghiệp viễn thông đặc biệt là doanh nghiệp thiết lập mạng di động mặt đất.

1.3. Nội dung chính sách

Nâng cao vai trò quản lý của cơ quan quản lý viễn thông trong việc quản lý thị trường bán buôn và bán lẻ; Nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của các doanh nghiệp sở hữu hạ tầng viễn thông.

1.4. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn chính sách

a) Giải pháp thực hiện:

- Bổ sung thêm điều khoản trong Chương II về việc xác định thị trường bán buôn và bán lẻ. Chính phủ quy định chi tiết các thị trường cần quản lý doanh nghiệp thống lĩnh thị trường và nghĩa vụ của các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường trong từng thời kỳ.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp sở hữu hạ tầng viễn thông trong việc công bố giá bán buôn, giá cho thuê hạ tầng, quy định doanh nghiệp sở hữu hạ tầng phải bán buôn khi có yêu cầu của doanh nghiệp không có hạ tầng.

- Bổ sung điều khoản Chính phủ quy định việc cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện công bố giá bán lẻ trung bình trên thị trường và nguyên tắc xác định khung giá bán buôn – bán lẻ theo thông lệ quốc tế (việc xác định cụ thể tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán lẻ - bán buôn của doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng được quy định trong Nghị định hướng dẫn).

b) Lý do lựa chọn chính sách: Chính sách đưa ra giúp thị trường viễn thông cả bán buôn và bán lẻ đều được quản lý thống nhất theo nguyên lý quản lý cạnh tranh nói chung; tạo cơ hội cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động không sở hữu quyền sử dụng tần số nhanh chóng gia nhập thị trường và có điều kiện cung cấp đa dạng các dịch vụ mới, tăng hiệu quả đầu tư hạ tầng mạng của các doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng. Các quy định về quản lý cạnh tranh được rõ ràng, minh bạch, công tác thực thi quản lý cạnh tranh trên thị trường bán buôn, bán lẻ, công tác quản lý các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường được thuận lợi, dễ dàng. Giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về cấp phép viễn thông

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Điều kiện cấp phép và hình thức cấp phép cho các doanh nghiệp viễn thông hiện nay chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng doanh nghiệp xin cấp phép cũng như loại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, chưa được phân loại theo tính chất của mạng, dịch vụ viễn thông; điều kiện cấp phép chưa phù hợp, chưa đảm bảo mục tiêu phổ cập dịch vụ đối với doanh nghiệp được cấp phép.

2.2. Mục tiêu của chính sách

- Đưa ra các điều kiện cấp phép phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của doanh nghiệp, không gây quản lý thái quá.

- Tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp.

- Nhà nước định hướng được mục tiêu phổ cập dịch vụ.

2.2. Nội dung chính sách

Bổ sung quy định về hình thức cấp phép với các loại giấy phép khác nhau. Điều chỉnh cách thức, điều kiện cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông phù hợp với từng loại hình mạng và dịch vụ.

2.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn chính sách

a) Giải pháp thực hiện:

- Bổ sung Điều 36a về 3 hình thức cấp phép với các loại giấy phép khác nhau: cấp phép riêng, cấp phép nhóm và thông báo. Cấp phép riêng là hình thức cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cho doanh nghiệp với những điều kiện cụ thể tùy thuộc vào quy mô, loại hình mạng thiết lập. Cấp phép nhóm là hình thức cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông áp dụng với một số loại hình dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện, quyền, nghĩa vụ cơ bản theo quy định. Thông báo là hình thức cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông áp dụng với một số loại hình dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp gửi thông báo cho cơ quan quản lý Nhà nước để bắt đầu tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức cấp phép nêu trên.

- Sửa đổi Điều 36: Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

+ Đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Điều kiện về năng lực tài chính, tổ chức bộ máy và nhân lực để thực hiện hoạt động kinh doanh.
3. Điều kiện biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.
4. Điều kiện sử dụng tài nguyên viễn thông

+ Đối với Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng:

1. Như trên

2. Vốn chủ sở hữu và điều kiện triển khai mạng lưới, chất lượng dịch vụ phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và các quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp thiết lập mạng.

+ Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện cấp phép.

b) Lý do lựa chọn chính sách: Chính sách đưa ra sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, tiết kiệm chi phí và thời gian của doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thực thi quản lý cấp phép, đạt mục tiêu phổ cập dịch vụ của Nhà nước; phát triển thị trường, hạ tầng đầu tư được khai thác hiệu quả hơn.

3. Chính sách 3: Chính sách về quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Nguy cơ người sử dụng bị mất dữ liệu, quyền lợi không được đảm bảo khi sử dụng dịch vụ viễn thông vệ tinh; nguy cơ mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin khi vệ tinh chùm phát triển, dịch vụ viễn thông qua vệ tinh được cung cấp xuyên biên giới ngày càng trở nên dễ dàng, thuận lợi hơn, trong khi hiện nay chưa có các đầy đủ quy định về đảm bảo an toàn, an ninh đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh.

3.2. Mục tiêu của chính sách

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin vệ tinh, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh quốc phòng.

- Thúc đẩy phát triển dịch vụ viễn thông vệ tinh, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng biển, biên giới, hải đảo.

- Tận dụng các ưu thế của vệ tinh chùm theo xu thế trên thế giới nhằm đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội.

3.3. Nội dung chính sách

Nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của các doanh nghiệp viễn thông trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ tại Việt Nam; nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với dịch vụ viễn thông vệ tinh; làm rõ các quy định đối với doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

3.4. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn chính sách

a) Giải pháp thực hiện:

Sửa đổi Điều 25 khoản 7: Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ viễn thông và cung cấp dịch vụ qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

Trên cơ sở quy định nguyên tắc chung tại luật như trên, Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số nội dung như:

- Bổ sung các quy định cần nội luật hóa cụ thể các điều ước quốc tế.

- Bổ sung quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ vệ tinh cho cá nhân (không phải khách hàng kinh doanh) ngoài biển, quy định về cấp phép kinh doanh viễn thông tại khu vực đồng bào thiểu số.

- Bổ sung các quy định về quản lý thông tin qua vệ tinh, thẩm quyền của cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin về người sử dụng hoặc xử lý thông tin vi phạm...

- Bổ sung quy định về việc đấu nối thông qua cổng kết nối quốc tế tại Việt Nam để đảm bảo an toàn an ninh và cạnh tranh lành mạnh giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet qua vệ tinh và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet mặt đất.

Việc bổ sung các điều kiện, quy định như trên nhằm quản lý chặt hơn các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ vệ tinh, không hạn chế, ưu tiên riêng với đối tượng doanh nghiệp nào.

b) Lý do lựa chọn chính sách: Giải pháp đưa ra đáp ứng được những mục tiêu đề ra. Tạo điều kiện thuận lợi trong thực thi công tác quản lý dịch vụ viễn thông vệ tinh và khi thực hiện các cam kết quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo công tác an ninh quốc phòng, an toàn thông tin. Người tiêu dùng sớm được sử dụng các dịch vụ thông tin vệ tinh, đặc biệt người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biển, biên giới, hải đảo, nơi dịch vụ băng rộng cố định mặt đất, di động mặt đất chưa thể cung cấp.

4. Chính sách 4: Bổ sung thêm thành phần trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông và quản lý kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, nhu cầu sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu là rất lớn, dịch vụ trung tâm dữ liệu ngày càng phát triển ở Việt Nam với thị phần chủ yếu là của các nhà cung cấp nước ngoài, trong khi đó, chưa có các quy định quản lý việc

kinh doanh dịch vụ này dẫn đến khoảng trống pháp lý, đòi hỏi phải sớm được bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật.

4.2. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư và lưu chuyển dữ liệu của người sử dụng trên môi trường mạng; Tăng cường bảo vệ quyền lợi của người sử dụng trên môi trường mạng.

- Hoàn thiện khung pháp lý về việc quản lý thiết lập và kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

- Thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ trung tâm dữ liệu, khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu trong nước phát triển.

4.3. Nội dung chính sách

Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy thị trường dịch vụ trung tâm dữ liệu phát triển; nâng cao hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong nước phát triển; bảo đảm mọi người dân sớm được tiếp cận và sử dụng các công nghệ, hạ tầng và dịch vụ tiên tiến với chất lượng cao, giá cước phù hợp, giảm nguy cơ mất an toàn dữ liệu, được bảo vệ các quyền lợi có liên quan.

4.4. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn chính sách

a) Giải pháp thực hiện:

Bổ sung điều khoản quy định về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu:

- Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu là hoạt động thiết lập trung tâm dữ liệu để cung cấp các dịch vụ (bao gồm: dịch vụ cho thuê máy chủ, dịch vụ cho thuê chỗ tại trung tâm dữ liệu, dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu, dịch vụ cung cấp hạ tầng cho điện toán đám mây) nhằm mục đích sinh lợi. Hoạt động của trung tâm dữ liệu phải thực hiện theo các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Chính phủ quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu; cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

b) Lý do lựa chọn chính sách: Giải pháp như trên tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, thiết lập các hạ tầng có liên quan tại Việt Nam; Nâng cao hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, có thể can thiệp xử lý khi phát sinh các vấn đề về mất an

toàn, an ninh thông tin; Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong nước phát triển.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

Để đảm bảo triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông khi được Quốc hội thông qua, về cơ bản các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nhân lực hiện hành. Một vài chính sách cần thêm thời gian và chi phí triển khai, thực thi kiểm tra, giám sát trên thực tế.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI

- Thời gian trình Chính phủ: tháng 12/2021
- Thời gian trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội: tháng /2023
- Thời gian trình Quốc hội thông qua: tháng /2023

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông.

Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác và bản sao ý kiến góp ý; (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông; (iv) Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Kinh tế QH, Ủy ban Pháp luật QH, Văn phòng QH (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CVT (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long

ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông
(Kèm theo tờ trình số **03** /TTr-BTTTT ngày **17** tháng **11** năm 2021)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

- Bổ sung, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, quản lý kinh doanh viễn thông bổ sung thêm kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, quản lý kinh doanh viễn thông bổ sung thêm kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung thêm, làm rõ một số khái niệm liên quan đến dịch vụ viễn thông (dịch vụ máy với máy M2M), trung tâm dữ liệu, cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết lập mạng viễn thông, mạng di động ảo...

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp sở hữu hạ tầng viễn thông trong việc công bố giá bán buôn, giá cho thuê hạ tầng, quy định doanh nghiệp sở hữu hạ tầng phải bán buôn khi có yêu cầu của doanh nghiệp không có hạ tầng.

- Bổ sung Chính phủ quy định việc cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện công bố giá bán lẻ trung bình trên thị trường và nguyên tắc xác định khung giá bán buôn – bán lẻ theo thông lệ quốc tế.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

- Bãi bỏ Khoản 2 nội dung “Chính phủ quy định chi tiết hình thức, điều kiện đầu tư nước ngoài và tỷ lệ phân vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong kinh doanh dịch vụ viễn thông”.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, 4, 5 quy định về đầu tư trong kinh doanh dịch vụ viễn thông để phù hợp với Luật Đầu tư 2015.

6. Sửa đổi Điều 19 Khoản 4 như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với từng dịch vụ viễn thông quan trọng mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.

7. Bổ sung Điều 19a như sau:

- Bổ sung thêm nội dung về việc xác định thị trường bán buôn và bán lẻ. Chính phủ quy định chi tiết các thị trường cần quản lý doanh nghiệp thống lĩnh thị trường và nghĩa vụ của các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường trong từng thời kỳ.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 5: “Mạng viễn thông dùng riêng có đường truyền dẫn vô tuyến, sử dụng băng tần số vô tuyến điện do tổ chức xây dựng”.

- Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 5 quy định về mạng viễn thông dùng riêng “là mạng các mạng viễn thông dùng riêng kết nối các thành viên thuộc các tổ chức khác nhau có cùng tính chất hoạt động và được liên kết với nhau bởi điều lệ hoặc hình thức liên kết khác”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 khoản 7 như sau:

Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ viễn thông và cung cấp dịch vụ qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức liên lạc khẩn cấp trong phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đề xuất việc miễn cước đối với di động gọi cho số khẩn cấp.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điểm b: “Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, có thời hạn không quá 15 năm được cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng và có thời hạn không quá 10 năm được cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

+ Đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Điều kiện về năng lực tài chính, tổ chức bộ máy và nhân lực để thực hiện hoạt động kinh doanh.

3. Điều kiện biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.

4. Điều kiện sử dụng tài nguyên viễn thông

+ Đối với Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng:

1. Như trên

2. Vốn chủ sở hữu và điều kiện triển khai mạng lưới, chất lượng dịch vụ phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và các quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp thiết lập mạng.

+ Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện cấp phép.

13. Bổ sung Điều 36a như sau:

- Bổ sung quy định về 3 hình thức cấp phép với các loại giấy phép khác nhau: cấp phép riêng, cấp phép nhóm và thông báo. Cấp phép riêng là hình thức cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cho doanh nghiệp với những điều kiện cụ thể tùy thuộc vào quy mô, loại hình mạng thiết lập. Cấp phép nhóm là hình thức cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông áp dụng với một số loại hình dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện, quyền, nghĩa vụ cơ bản theo quy định. Thông báo là hình thức cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông áp dụng với một số loại hình dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp gửi thông báo cho cơ quan quản lý Nhà nước để bắt đầu tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức cấp phép nêu trên.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp thu hồi giấy phép: doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tự nguyện hoàn trả giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do kinh doanh không hiệu quả hoặc thay đổi định hướng kinh doanh,...

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Khoản 5 như sau:

Chính phủ quy định chi tiết việc phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thông qua đấu giá, chuyển nhượng; trách nhiệm bồi thường khi thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1: “Tổ chức, cá nhân trước khi đưa thiết bị viễn thông thuộc Danh mục thiết bị viễn thông có khả năng gây mất an toàn vào lưu thông trên thị trường hoặc kết nối vào mạng viễn thông công cộng phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2: “Doanh nghiệp viễn thông trước khi đưa các thiết bị mạng thuộc Danh mục thiết bị viễn thông bắt buộc kiểm định vào hoạt động phải thực hiện việc kiểm định”.

17. Bổ sung Điều khoản quy định về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu:

- Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu là hoạt động thiết lập trung tâm dữ liệu để cung cấp các dịch vụ (bao gồm: dịch vụ cho thuê máy chủ, dịch vụ cho thuê chỗ tại trung tâm dữ liệu, dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu, dịch vụ cung cấp hạ tầng cho điện toán đám mây) nhằm mục đích sinh lợi. Hoạt động của trung tâm dữ liệu phải thực hiện theo các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Chính phủ quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu; cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20...

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI